

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản
Thanh lý lô vật tư thiết bị do PTC4 quản lý (Lô 1 năm 2025)

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/06/2024 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-HĐTV ngày 11/12/2024 của Hội đồng thành viên EVNNPT việc giao Kế hoạch SXKD - Tài chính - ĐTXD năm 2025;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thanh lý số 523/P.TCKT ngày 08/10/2025 của Công ty Truyền tải điện 4;

Căn cứ Quyết định số 3004/QĐ-PTC4 ngày 09/10/2025 của Công ty Truyền tải điện 4 về việc thanh lý lô vật tư thiết bị do PTC4 quản lý (Lô 1 năm 2025);

Căn cứ Tờ trình của phòng ĐTXD ngày 20/10/2025 trình duyệt Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thanh lý lô vật tư thiết bị do PTC4 quản lý (Lô 1 năm 2025);

Căn cứ Báo cáo thẩm định của các phòng ngày 21/10/2025 về việc Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Thanh lý lô vật tư thiết bị do PTC4 quản lý (Lô 1 năm 2025);

Công ty Truyền tải điện 4 là đơn vị có tài sản đấu giá thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với một số tiêu chí lựa chọn như sau:

1. Tên, địa chỉ của Người có tài sản đấu giá: Công ty Truyền tải điện 4

Địa chỉ: Số 413 Đường Song hành Xa lộ Hà Nội, Khu phố 52, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

2. Tài sản đấu giá: Thanh lý lô vật tư thiết bị do PTC4 quản lý (Lô 1 năm 2025).

3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

+ Số lượng danh mục: 192 mặt hàng.

+ Giá trị khởi điểm (Đã có thuế GTGT): 21.175.264.375 đồng.

Trong đó:

+ Giá trị khởi điểm (Chưa có thuế GTGT): 19.250.240.341 đồng.

+ Thuế GTGT: 1.925.024.034 đồng.

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức đáp ứng các điều kiện sau:

4.1 Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải có các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản ngày 27/06/2024 kèm Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 gồm các nhóm tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm:

- Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư Pháp công bố.
- Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
- Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
- Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.
- Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

(Chi tiết chấm điểm theo bảng Phụ lục I của Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 đính kèm)

4.2 Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó *(khoản 4 điều 35 Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp)*.

Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nào có thù lao dịch vụ đấu giá thấp hơn sẽ được Công ty Truyền tải điện 4 lựa chọn.

5. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản:

Phù hợp với các quy định hiện hành về khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản.

6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá:

- Thời gian nhận hồ sơ: Kể từ 08h00 ngày 24 tháng 10 năm 2025 đến trước 15h00 ngày 31 tháng 10 năm 2025 (*Trong giờ hành chính*).
- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện (*Hồ sơ gửi theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện trước giờ của ngày kết thúc thông báo*).
- Địa điểm nộp hồ sơ:
 - + Công ty Truyền tải điện 4;
 - + Địa chỉ: Số 413 Đường Song hành Xa lộ Hà Nội, Khu phố 52, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Khi nộp hồ sơ đăng ký tham gia trực tiếp, người đến nộp hồ sơ cần xuất trình giấy giới thiệu và chứng minh nhân dân/căn cước công dân.
- Công ty Truyền tải điện 4 sẽ thông báo kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản và không trả lại hồ sơ cho các đơn vị tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Công TTQG về đấu giá TS;
- VP (để đăng trên trang thông tin PTC4, EVNNPT).
- Lưu: VT, P.ĐTXD, P.TCKT, P.KH, P.KTPC.

GIÁM ĐỐC

Võ Đình Thủy

BẢNG TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức	4

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	bán, tiếp nhận hồ sơ)	
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)	7
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	3
	Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm.	

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: $Số\ điểm\ của\ C = (V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4
6.1	01 đấu giá viên	2
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
7.1	Dưới 05 năm	2
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3
7.3	Từ 10 năm trở lên	4
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)	5
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có): Số lượng hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá được thực hiện thành công trong năm trước liền kề. (Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện thành công có đầy đủ nội dung: ngày tổ chức đấu giá,	2

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	giá khởi điểm, giá trúng đấu giá, số lượng khách hàng tham gia đấu giá): Chỉ chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 dưới đây:	
1.1	<i>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá trong năm trước liền kề từ 30 hợp đồng trở lên (2 điểm).</i>	
1.2	<i>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá trong năm trước liền kề từ 20 hợp đồng trở lên đến dưới 30 hợp đồng (1,5 điểm).</i>	
1.3	<i>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá trong năm trước liền kề từ 10 hợp đồng trở lên đến dưới 20 hợp đồng (1 điểm).</i>	
1.4	<i>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá trong năm trước liền kề dưới 10 hợp đồng (0,5 điểm).</i>	
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá (Công ty Truyền tải điện 4) và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó.	2
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	1
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này) Số lượng bình quân khách hàng tham gia đấu giá tài sản trong các Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện cho các đơn vị thuộc EVN trong năm trước liền kề. Trong đó số lượng khách hàng (KH) bình quân tham gia đấu giá được tính bằng tổng số lượng KH tham gia đấu giá trên tổng số cuộc bán đấu giá (chỉ tính các cuộc đấu giá thành công và tổ chức hành nghề đấu giá tài sản liệt kê tất cả số lượng khách hàng đã tham gia đấu giá cho các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện thành công cho các đơn vị trong EVN):	3
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá có số lượng bình quân khách hàng tham gia nhiều nhất được chấm điểm tối đa (3 điểm)</i>	
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá có số lượng bình quân khách hàng tham gia nhiều thứ 2 đạt 1 điểm</i>	
4.3	<i>Các tổ chức còn lại đạt 0,1 điểm</i>	
Tổng số điểm		100